

Số: 159/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 10 tháng 01 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022
nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh (đợt 8)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA KHOÁ XV
KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ MƯỜI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Xét Tờ trình số 241/TTr-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 433/BC-KTNS ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh (đợt 8). Cụ thể:

1. Tổng vốn điều chỉnh: 12.086 triệu đồng.

2. Phương án điều chỉnh

Điều chỉnh giảm 12.086 triệu đồng kế hoạch vốn của 01 dự án hoàn thành hết nhu cầu sử dụng vốn và 05 dự án không có khả năng hoàn thành giải ngân kế hoạch vốn giao. Phân bổ số vốn 12.086 triệu đồng sau điều chỉnh giảm cho 03 dự án đang thực hiện có nhu cầu bổ sung vốn và có khả năng hoàn thành giải ngân trong năm 2022.

(có 01 Biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp chuyên đề lần thứ mười thông qua ngày 10 tháng 01 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Tư pháp;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS (Dũng).

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 159/NQ-HĐND ngày 10/01/2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế KLHT đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch năm 2022				Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn giao	Giải ngân thanh toán đến ngày 30/12/2022		Kế hoạch vốn còn lại	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
				Tổng số	TĐ: NST				Tổng số	Tỷ lệ					
	TỔNG SỐ			719.258	408.939	165.886	166.319	57.559	44.300		12.696	12.086	12.086	57.559	-
I	Điều chỉnh giảm			82.529	152.939	19.206	31.739	16.779	3.520		12.696	12.086		4.693	
*	Văn hóa, thông tin			75.649	64.330	2.584	11.118	9.300	903		8.397	8.058		1.242	
1	Bảo tồn, tôn tạo khu di tích lịch sử Cây Me - nơi thành lập chi bộ đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Sơn La	UBND huyện Mai Sơn	2782 15/11/2021	14.330	14.330	766	6.880	6.880	428	6.2%	6.452	6.114		766	
2	Khu di tích lịch sử Ngã ba Cò Nòi, huyện Mai Sơn	UBND huyện Mai Sơn	1091 31/5/2021	61.319	50.000	1.818	4.238	2.420	475	19.6%	1.945	1.944		476	
*	Quốc phòng			3.600	3.600	3.429	3.600	2.520	2.349		171	171		2.349	
3	Dự án nhà ở và làm việc cán bộ, chiến sỹ + các công trình phụ trợ trạm kiểm soát biên phòng Pu Hao	Bộ Chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh	1019 27/5/2021	3.600	3.600	3.429	3.600	2.520	2.349	93.2%	171	171		2.349	
*	Nhiệm vụ lập Quy hoạch			54.109	54.109	12.330	12.461	399	268		131	131		268	
4	Lập Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1166 10/6/2020	54.109	54.109	12.330	12.461	399	268	67.2%	131	131		268	
*	Công nghệ thông tin			10.000	10.000	300	2.000	2.000			2.000	1.729		271	
5	Số hóa tạo lập cơ sở dữ liệu hộ tịch tỉnh Sơn La	Sở Tư pháp	596 06/4/2022	10.000	10.000	300	2.000	2.000			2.000	1.729		271	
*	Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			20.900	20.900	563	2.560	2.560			1.997	1.997		563	
6	Dự án bổ sung cơ sở vật chất cho trường THPT Thảo nguyên, huyện Mộc Châu	Sở Giáo dục và Đào tạo	245 11/02/2022	20.900	20.900	563	2.560	2.560	563	22.0%	1.997	1.997		563	
II	Điều chỉnh tăng			555.000	256.000	146.680	134.580	40.780	40.780	-	-	-	12.086	52.866	
*	Nông, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			70.000	60.000	27.000	18.000	18.000	18.000		-		9.000	27.000	
1	Kè chống lũ, sạt lở đất và hạ tầng kỹ thuật khu dân cư dọc Suối Muội, huyện Thuận Châu (giai đoạn II)	UBND huyện Thuận Châu	2651 31/10/2021	70.000	60.000	27.000	18.000	18.000	18.000	100.0%		9.000		27.000	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế KLHT đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch năm 2022				Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn giao	Giải ngân thanh toán đến ngày 30/12/2022		Kế hoạch vốn còn lại	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
				Tổng số	TĐ: NST				Tổng số	Tỷ lệ					
*	Công trình công cộng tại các đô thị			65.000	36.000	24.680	23.180	11.180	11.180				1.500	12.680	
2	Chỉnh trang đô thị thị trấn Thuận Châu	UBND huyện Thuận Châu	1037 28/5/2021	65.000	36.000	24.680	23.180	11.180	11.180	100.0%			1.500	12.680	
*	Công nghiệp, điện			420.000	160.000	95.000	93.400	11.600	11.600		-	-	1.586	13.186	
3	Tiểu dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Sơn La	Sở Công thương	2831 18/11/2021	420.000	160.000	95.000	93.400	11.600	11.600	100.0%			1.586	13.186	